

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 813/2018/DSPT

Ngày: 07/9/2018

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức 7T.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lưu Trường D

2. Ông Lưu Ngọc G

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Đoàn Thục H – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố A

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân K - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 23, 30 tháng 8 và 07 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố A xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 262/DSPT ngày 18 tháng 6 năm 2018, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 172/2018/DS-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3020/2018/QĐPT ngày 09 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty CKCT.

Địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường X, quận C, Thành phố A.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nông Minh V, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: 23B Cửu Long, Phường B, quận N, Thành phố A.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: 271/125/12 Quang Trung, Phường D2, quận L, Thành phố A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Duy Q – luật sư Văn phòng Luật sư VPL, thuộc Đoàn luật sư Thành phố A (có mặt);

2. Bà Vũ Thị Thanh T (vắng mặt lúc tuyên án);

3. Bà Phạm Thị Thanh Q (vắng mặt lúc tuyên án).

Người có quyền lợi, NG vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1946 (có mặt);

Địa chỉ: 253 Bùi Thị Xuân, Phường Z, quận N, Thành phố A.

2. Em Nguyễn Hải U, sinh năm 2002 (vắng mặt);

3. Em Nguyễn Hải P, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 271/125/12 Quang Trung, Phường D2, quận L, Thành phố A.

Đại diện hợp pháp của em U, em P: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: 271/125/12 Quang Trung, Phường D2, quận L, Thành phố A.

Người làm chứng:

1. Ông Vũ Anh PM (vắng mặt);

2. Ông Trần Văn TN (vắng mặt);

3. Bà Phạm Thị QA (vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Trí DC (vắng mặt);

5. Ông Huỳnh Hưng GK (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 127 Đinh Tiên Hoàng, Phường X, quận C, Thành phố A.

6. Bà Phan Kim LH, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: 18E Nguyễn Thái MP, Phường Z, quận C, Thành phố A.

7. Bà Hoàng Thị NP, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: 80/27A Nguyễn Lâm, Phường X, quận C, Thành phố A.

8. Ông Đào Văn NT, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: 10/4 Đường số 9, khu phố 1, phường NQ, quận BC, Thành phố A.

Người kháng cáo: Bị đơn - Bà Nguyễn Thị M và người có quyền lợi, NG vụ liên quan – ông Nguyễn Văn Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/5/2017 của nguyên đơn là Công ty CKCT và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Nông Minh V trình bày:

Ngày 23/01/2017 Công ty CKCT (gọi tắt là Công ty CK) có mở cuộc họp giao

ban với các thành phần tham dự gồm ông Hoàng Minh DC là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (chủ tọa); ông Nguyễn Văn CH là Trưởng phòng Tài chính - Kế toán; bà Phạm Thị QA là Trưởng phòng Hợp tác - Đầu tư, ông Đào Văn NT là Trưởng phòng Tài chính Hành chính, Chủ tịch Công đoàn; ông Vũ Anh PM là Trưởng phòng Vật tư - Thiết bị; ông Trần Văn TN là Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật; ông Huỳnh Hưng GK là Phó phòng Vật tư - Thiết bị (Thư ký); ông Nguyễn Trí DC là Bí thư Đoàn thanh niên. Tại cuộc họp đã thống nhất là chuyển vào tài khoản cá nhân ông Nguyễn Văn CH với số tiền là 6.737.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản cá nhân ông Hoàng Minh DC số tiền 1.500.000.000 đồng để ông CH và ông DC mở sổ tiết kiệm để lấy tiền lời bổ sung vào quỹ công đoàn.

Và theo đúng tinh thần cuộc họp thì ngày 23/01/2017, ngày 14/02/2017 và ngày 16/02/2017 Công ty đã nộp tiền tổng số tiền là 6.737.000.000 đồng vào tài khoản của ông CH số tài khoản là 1350000113247. Chuyển vào tài khoản cá nhân ông Hoàng Minh DC số tiền 1.500.000.000 đồng.

Sau đó do nhu cầu sử dụng tiền của Công ty nên ông CH đã chuyển trả tiền vào tài khoản của Công ty và chi hộ cho Công ty cho hai cá nhân với tổng số tiền là 1.108.000.000 đồng. Còn lại 5.629.000.000 đồng bao gồm 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm và 129.000.000 đồng trong tài khoản của ông Nguyễn Văn CH.

Do đó nguyên đơn yêu cầu công nhận số tiền 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm đứng tên ông Nguyễn Văn CH và 129.000.000 đồng trong tài khoản của ông Nguyễn Văn CH là tài sản của Công ty CKCT.

Ngày 24/8/2017, nguyên đơn có đơn thay đổi, bổ sung nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị M và các thừa kế của ông Nguyễn Văn CH phải trao trả cho Công ty CKCT tổng số tiền 5.629.000.000 đồng Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 2202/2017/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân quận L để đảm bảo thi hành án.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn giá trị 88 cổ phiếu tương đương 8.800.000 đồng, nguyên đơn đồng ý trả cho bị đơn làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị M – cũng là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, NG vụ liên quan là em U và em P trình bày:

Bà không đồng ý với yêu cầu của Công ty CK vì số tiền mà Công ty chuyển vào tài khoản của ông CH là tiền trả nợ của Công ty cho ông CH về các khoản đầu tư cho vay cụ thể là khoản vay vào năm 2014 Công ty vay ông CH 800.000.000 đồng theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty CK với ông CH ngày 16/10/2014, khoản vay 1.000.000.000 đồng vào năm 2010 mà ông Nguyễn Văn TP là đại diện theo ủy quyền của ông DC đã xác nhận tại biên bản hòa giải ngày 04/8/2017 và các khoản lợi tức từ các khoản tiền đầu tư như trong bản sao kê mà Công ty CK đã xác nhận tại biên bản hòa giải ngày 04/08/2017.

Bà M yêu cầu Công ty phải chứng minh phiếu chi tiền mặt theo đúng nguyên tắc kế toán là có chữ ký của Giám đốc, Kế toán trưởng và thủ quỹ Công ty trong đó phải có chữ ký kế toán là ông CH và ghi rõ nội dung chuyển tiền. Bà M đề nghị Công ty phải cung cấp chứng cứ về việc ông CH đồng ý nhận giữ tiền hộ cho Công ty. Bà M phản bác Toàn bộ chứng cứ Công ty CK vì không có giá trị pháp lý và khẳng định số tiền 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm đứng tên ông Nguyễn Văn CH là tài sản của CK bà. Phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ là đã chuyển tiền cho ông CH, do đó đề nghị Tòa án bác yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn giá trị 88 cổ phiếu tương đương 8.800.000 đồng, yêu cầu trả làm một lần Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

Ông Nguyễn Văn Y là người có quyền lợi, NG vụ liên quan trình bày:

Ông thống nhất với phần trình bày của bà M, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông khẳng định số tiền 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm đứng tên ông Nguyễn Văn CH là tài sản của ông CH.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày:

Việc Công ty chuyển một số tiền lớn vào tài khoản cá nhân của ông CH mà chỉ căn cứ vào Biên bản họp giao ban là không hợp pháp, bởi lẽ vào năm 2014 chỉ mượn ông CH 800.000.000 đồng mà Công ty họp Hội đồng quản trị, lập biên bản thỏa thuận với ông CH, có chữ ký của ông CH..., do đó Biên bản họp giao ban chỉ có chữ ký của Giám đốc Công ty với thư ký cuộc họp là không hợp lý, biên bản này là biên bản ngụy tạo, được lập ra sau khi ông CH mất để chiếm đoạt tiền của ông CH. Lời khai của

những người làm chứng là lời khai không trung thực, bởi lẽ những người này đều là nhân viên của Công ty nên chịu sự chi phối của Giám đốc Công ty, đề nghị không chấp nhận lời khai của những người làm chứng này. Từ nhận định trên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2018/DS-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân quận L đã tuyên như sau:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Công ty CKCT, buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn CH gồm: bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y, em Nguyễn Hải U, Nguyễn Hải P do bà Nguyễn Thị M là đại diện hợp pháp phải trả cho Công ty cổ phần CCK số tiền 5.629.000.000đ (Năm tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu đồng) làm một lần Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Công ty CKCT có trách nhiệm trả cho bà M, ông Y, cháu U, cháu P 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng) tương đương với giá trị 88 cổ phiếu làm một lần Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 2202/2017/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân quận L để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/5/2018, bị đơn – bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo Toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Ngày 17/5/2018, người có quyền lợi, NG vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Y có đơn kháng cáo Toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 22/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận L ban hành quyết định số 04/QĐ-KNPT-DS kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 172/2018/DS-ST ngày

07/5/2018 của Tòa án nhân dân quận L. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là bà Nguyễn Thị M, người có quyền lợi, NG vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Y, cháu Nguyễn Hải P và cháu Nguyễn Hải U là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Trong Biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017 có sự tham gia của ông Hoàng Minh DC, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa triệu tập ông DC tham gia vụ án với tư cách người làm chứng là không đúng. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không đánh giá Toàn diện, đầy đủ chứng cứ của vụ án theo quy định tại Điều 108 Bộ luật tố tụng dân sự. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Y, cháu U, cháu P là người có quyền lợi, NG vụ liên quan trong vụ án nhưng lại buộc ông Y, cháu U, cháu P cùng bị đơn là bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn, người có quyền lợi, NG vụ liên quan không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị M, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, NG vụ liên quan – ông Nguyễn Văn Y cùng trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án trái thẩm quyền, không chuyển hồ sơ vụ án dân sự có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan điều tra có thẩm quyền, không triệu tập ông Hoàng Minh DC và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng BIDV) - chi nhánh Gia Định tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Về nội dung: bà M cho rằng từ năm 2005 đến năm 2017 ông CH nhiều lần đầu tư vào Công ty CK, cho Công ty CK vay tiền, cũng như nhiều lần đầu tư vào công ty gia đình ông DC là Công ty TNSL, Công ty Cầu 72 và cho cá nhân ông DC, công ty gia đình ông DC vay tiền. Số tiền 6.737.000.000 đồng mà bà NP, bà LH nộp vào tài khoản của ông CH là tiền của cá nhân ông DC và Công ty CK chuyển trả tiền vay, tiền đầu tư và tiền lời cho ông CH. Đồng thời, phía Công ty CK không chứng minh được nguồn gốc số tiền 6.737.000.000 đồng, không xuất trình được sổ sách kế toán, chứng từ, phiếu chi tiền mặt có chữ ký của Giám đốc, của kế toán trưởng theo đúng nguyên tắc kế toán nên bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn – Công ty CKCT có đại diện theo uỷ quyền là ông Nông Minh V trình bày: Nguyên đơn đã trình bày rõ ràng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, NG vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố A phát biểu quan điểm vụ án:

1. Về thủ tục tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm: Đơn kháng cáo của các đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Đối với việc tạm ngừng phiên tòa vào ngày 30/8/2018 của Hội đồng xét xử là chưa phù hợp với quy định pháp luật, làm kéo dài thời gian vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vì Bản sao kê tài khoản ngân hàng của ông CH đã được Thẩm phán ở Tòa án cấp sơ thẩm đối chiếu bản chính, Hội đồng xét xử lại tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu đương sự nộp Bản sao kê tài khoản ngân hàng của ông CH có sao y là không cần thiết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử rút kinh nghiệm.

2. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn CH gồm có cha là ông Nguyễn Văn Y, vợ là bà Nguyễn Thị M và hai con là cháu Nguyễn Hải U, cháu Nguyễn Hải P. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà M là bị đơn, ông Y, cháu U và cháu P là người có quyền lợi, NG vụ liên quan là sai chủ thể về mặt tố tụng. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm buộc những người có quyền lợi, NG vụ liên quan là ông Y, cháu U, cháu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn cung cấp Bản sao kê tài khoản ngân hàng của ông CH thể hiện từ năm 2005 đến năm 2017 Công ty CK chuyển vào tài khoản của ông CH số tiền hơn 16.000.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền này chưa được làm rõ. Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa đủ để xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm:

1.1. Ngày 07/5/2018, Tòa án nhân dân quận L xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Ngày 15/5/2018 và ngày 17/5/2018, bà M và ông Y làm đơn kháng cáo là còn trong hạn luật định và đã làm thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 22/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận L, Thành phố A ban hành quyết định kháng nghị số 04/QĐKN/VKS-DS là đúng thẩm quyền và còn trong thời hạn luật định nên có cơ sở chấp nhận.

1.2. Người làm chứng – ông Vũ Anh PM, ông Trần Văn TN, bà Phạm Thị QA, ông Nguyễn Trí DC, ông Huỳnh Hưng GK, bà Phan Kim LH, bà Hoàng Thị NP và ông Đào Văn NT vắng mặt tại phiên toà thuộc trường hợp đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên toà, có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó theo khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng trên.

1.3. Việc Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên toà ngày 30/8/2018 để yêu cầu bị đơn cung cấp Bản sao kê tài khoản ngân hàng của ông CH có sao y là có căn cứ, bởi lẽ trong các bản sao kê mà đương sự cung cấp chưa được sao y đầy đủ nên chưa có cơ sở để xem xét làm tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Qua yêu cầu kháng cáo của bà M, ông Y, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận L và lời trình bày của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm:

2.1.1 Xác định tư cách đương sự trong vụ án

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận ông Nguyễn Văn CH có cha là ông Nguyễn Văn Y, mẹ là bà Nguyễn Thị PA đã mất năm 1977, vợ là bà Nguyễn Thị M; ông CH và bà M có hai con chung là cháu Nguyễn Hải U và cháu Nguyễn Hải P, ngoài ra ông CH không có cha mẹ nuôi, con nuôi hay con riêng nào khác. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông CH gồm có ông Y, bà M, cháu U và cháu P là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2017, Công ty CK khởi kiện đối với người bị kiện là bà Nguyễn Thị M và thể hiện người có quyền lợi, NG vụ liên quan là ông Y, cháu U và cháu P. Ngày 17/5/2017, Tòa án nhân dân quận L ban hành Thông báo thụ lý vụ án số 178/2017/TB-TLVA về việc “đòi tài sản” theo đơn khởi kiện của Công ty CK và

xác định nguyên đơn là Công ty CK, bị đơn là bà Nguyễn Thị M là đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà M có đơn yêu cầu phản tố đối với Công ty CK yêu cầu Tòa án tuyên buộc Công ty CK phải trả cho bà M giá trị 88 cổ phiếu của ông CH đã đầu tư vào Công ty CK tương đương 8.800.000 đồng. Ngày 16/8/2017, Tòa án nhân dân quận L đã ban hành Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn số 01/178/2017/TB-TLVA thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bà M là đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện Công ty CK chỉ khởi kiện đối với người bị kiện là bà Nguyễn Thị M và bà M (với tư cách cá nhân) đưa ra yêu cầu phản tố đối với Công ty CK là phù hợp với nguyên tắc cơ bản của pháp luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà M là bị đơn trong vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại đơn khởi kiện Công ty CK không khởi kiện ông Y, cháu U, cháu P; đồng thời ông Y, cháu Hà, cháu U (do bà M đại diện) không cùng bà M đưa ra yêu cầu phản tố đối với Công ty CK. Tuy nhiên, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty CK và yêu cầu phản tố của bà M có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, NG vụ của ông Y, cháu U, cháu Hà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Y, cháu U, cháu P là người có quyền lợi, NG vụ liên quan trong vụ án là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.1.2. Về việc triệu tập ông Hoàng Minh DC và Ngân hàng BIDV - chi nhánh Gia Định tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

Đối với ông Hoàng Minh DC, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty CK đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 20/4/2017 (BL60) thì ông Hoàng Minh DC là người đại diện theo pháp luật của Công ty CK - nguyên đơn trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông DC có tham gia phiên tòa sơ thẩm và trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như trình bày về Biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017. Do đó, việc triệu tập ông Hoàng Minh DC tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là không cần thiết.

Đối với Ngân hàng BIDV - chi nhánh Gia Định, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã cung cấp bản chính các chứng từ giao dịch, bản sao kê tài khoản của

ông CH để chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét thấy, Ngân hàng BIDV - chi nhánh Gia Định chỉ là đơn vị nơi ông CH mở tài khoản, mở sổ tiết kiệm và thực hiện các giao dịch liên quan khác. Nhân viên giao dịch của Ngân hàng chỉ thực hiện các giao dịch dựa trên chứng từ do khách hàng lập, ngoài ra nhân viên giao dịch không thể biết được nội dung cụ thể của từng giao dịch. Do đó, bị đơn yêu cầu triệu tập Ngân hàng BIDV - chi nhánh Gia Định với tư cách người làm chứng là không có cơ sở chấp nhận.

2.2. Về nội dung vụ án

2.2.1. Công ty CK đã nộp 6.737.000.000 đồng vào tài khoản của ông CH

Căn cứ Giấy nộp tiền mặt ngày 23/01/2017 của Ngân hàng BIDV - chi nhánh Gia Định (BL73) thể hiện ngày 23/01/2017 bà Hoàng Thị NP nộp vào tài khoản số 13510000113247 của ông CH mở tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Gia Định (sau đây gọi tắt là tài khoản của ông CH) số tiền là 6.350.000.000 đồng với nội dung “CHUYEN TIEN TK CTY”.

Căn cứ chứng từ giao dịch ngày 14/02/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Phú Mỹ Hưng (BL72) thể hiện ngày 14/02/2017 bà Phan Kim LH nộp vào tài khoản của ông CH số tiền là 299.901.033 đồng với nội dung “PHAN KIM LH CHUYEN TIEN” (bà LH nộp 300.000.000 đồng, sau khi trừ 98.967 đồng phí giao dịch và thuế còn lại 299.901.033 đồng).

Căn cứ Giấy nộp tiền ngày 16/02/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Phú Mỹ Hưng (BL71) thể hiện ngày 16/02/2017 bà LH nộp vào tài khoản của ông CH số tiền là 86.971.299 đồng với nội dung “Nộp tiền vào tài khoản” (bà LH nộp 87.000.000 đồng, sau khi trừ 28.701 đồng phí giao dịch và thuế còn lại 86.971.299 đồng).

Đối chiếu với Bản sao kê tài khoản số 13510000113247, chủ tài khoản là Nguyễn Văn CH mở tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Gia Định từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/3/2017 (sau đây gọi tắt là Bản sao kê tài khoản của ông CH) thể hiện ngày 23/01/2017 có khoản tiền 6.350.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông CH với nội dung diễn giải “CHUYEN TIEN TK CTY”; ngày 14/02/2017 có khoản tiền 299.901.033 đồng và ngày 16/02/2017 có khoản tiền 86.971.299 đồng chuyển vào tài khoản của ông CH với cùng nội dung “PHAN KIM LH CHUYEN TIEN”.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định bà NP, bà LH đã nộp vào tài khoản của ông CH số tiền tổng cộng là 6.737.000.000 đồng, sau khi trừ phí giao dịch và thuế còn là 6.736.872.332 đồng.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2017 (BL319) bà NP trình bày số tiền 6.350.000.000 đồng bà nộp vào tài khoản của ông CH ngày 23/01/2017 là tiền của Công ty CK. Tại bản tự khai ngày 08/8/2017 (BL317) bà LH trình bày số tiền 300.000.000 đồng và số tiền 87.000.000 đồng (chưa trừ phí giao dịch và thuế) bà nộp vào tài khoản của ông CH ngày 14/02/2017 và ngày 16/02/2017 là tiền của Công ty CK. Mặt khác, bà M thừa nhận giữa cá nhân ông CH và bà NP, bà LH không có vay mượn, nợ nần gì. Do đó, có cơ sở xác định tổng số tiền 6.737.000.000 đồng bà NP, bà LH nộp vào tài khoản của ông CH như đã nhận định ở trên là tiền của Công ty CK. Bà M cho rằng phía Công ty CK không chứng minh được nguồn gốc số tiền 6.737.000.000 đồng, không xuất trình được phiếu chi tiền mặt có chữ ký của Giám đốc, chữ ký của Kế toán trưởng theo đúng nguyên tắc kế toán nên số tiền này là tiền của cá nhân ông DC, không phải là tiền của Công ty CK là không có cơ sở chấp nhận.

2.2.2. Về mục đích Công ty CK nộp tiền vào tài khoản ông CH và Biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017 của Công ty CK

Công ty CK trình bày việc Công ty cho nộp số tiền 6.737.000.000 đồng vào tài khoản của ông CH để ông CH thanh toán công nợ của Công ty và mở sổ tiết kiệm để lấy tiền lời bổ sung quỹ hoạt động công đoàn theo đúng nội dung tại Biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017. Phía bị đơn cho rằng Biên bản họp giao ban này là Công ty ngụy tạo nên không có chữ ký của ông CH.

Xét thấy, tại Biên bản họp giao ban số 01/TCHC-CTY623 ngày 23/01/2017 với thành phần tham dự gồm có: ông Hoàng Minh DC – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (chủ tọa); ông Nguyễn Văn CH – Trưởng phòng Tài chính – Kế toán; bà Phạm Thị QA – Trưởng phòng Hợp tác – Đầu tư; ông Đào Văn NT – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Chủ tịch Công đoàn; ông Vũ Anh PM – Trưởng phòng Vật tư – Thiết bị; ông Trần Văn TN - Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật; ông Huỳnh Hưng GK – Phó phòng Vật tư – Thiết bị (thư ký) và ông Nguyễn Trí DC – Bí thư Đoàn thành niên. Tuy nhiên, chỉ có Chủ tọa là ông Hoàng Minh DC và thư ký là ông Huỳnh Hưng GK ký tên vào Biên bản họp giao ban này.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Minh DC, bà Phạm Thị QA, ông Đào Văn NT (đã nghỉ việc tại Công ty CK từ ngày 20/5/2017 theo Quyết định về việc cho thôi việc số 26/QĐ-TCHC ngày 13/5/2017 của Công ty CK – BL148), ông Vũ Anh PM, ông Trần Văn TN, ông Huỳnh Hưng GK và ông Nguyễn Trí DC đều trình bày thống nhất về thời gian, địa điểm và nội dung cuộc họp. Cùng ngày 23/01/2017, Công ty CK đã nộp vào tài khoản của ông CH số tiền 6.350.000.000 đồng do bà NP trực tiếp nộp theo giấy nộp tiền mặt ngày 23/01/2017 (BL73).

Tại Giấy nộp tiền mặt ngày 23/01/2017 (BL73) bà NP chỉ ghi nội dung “CHUYEN TIEN TK CTY” dẫn đến tại bản sao kê tài khoản của ông CH chỉ thể hiện nội dung “CHUYEN TIEN TK CTY” mà không thể hiện rõ nội dung nộp tiền là gì. Do đó, cần xem xét lời khai của bà NP - người trực tiếp nộp tiền vào tài khoản của ông CH (bà NP đã nghỉ việc tại Công ty CK từ ngày 01/3/2017 theo Quyết định về số 15/QĐ-TCHC ngày 23/2/2017 của Công ty CK – BL147) và những chứng cứ có liên quan.

Xét thấy, tại Giấy đề nghị nộp tiền ngày 23/01/2017 của bà Hoàng Thị NP (BL70) có nội dung: *“Căn cứ theo Biên bản họp giao ban ngày 23/01/2017 của Công ty CKCT (Công ty CK), Phòng Tài vụ Công ty CK kính trình Ban Giám đốc cho nộp tiền mặt vào tài khoản anh Nguyễn Văn CH số tiền 6.350.000.000 đồng. Lý do: Thanh toán công nợ khách hàng 350.000.000 đồng + gửi sổ tiết kiệm 6.000.000.000 đồng (bao gồm: 12 sổ tiết kiệm mỗi sổ giá trị 500.000.000 đồng)”* đã được Tổng giám đốc Công ty CK là ông Hoàng Minh DC ký duyệt. Trong quá trình giải quyết vụ án bà NP đã xác nhận giấy đề nghị nộp tiền này.

Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tại Biên bản họp giao ban chỉ có chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp, không có chữ ký của các thành viên tham dự khác. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các thành viên tham dự và người trực tiếp nộp tiền là bà NP đều có lời khai thống nhất và phù hợp với các tình tiết, sự kiện có trong hồ sơ vụ án nên Biên bản họp giao ban này được xem là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án. Phía bị đơn cho rằng Biên bản họp giao ban này là giả mạo nhưng bà M không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Từ đó có cơ sở xác định ngày 23/01/2017 Công ty CK chuyển 6.350.000.000 đồng vào tài khoản của ông CH để thanh toán công nợ của

Công ty và mở 12 sổ tiết kiệm để lấy tiền lời bổ sung quỹ hoạt động Công đoàn của Công ty như lời trình bày của phía nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

2.2.3. Ông CH đã sử dụng 6.737.000.000 đồng do Công ty CK nộp vào để mở 12 sổ tiết kiệm và thanh toán công nợ cho Công ty CK

Công ty CK trình bày khoản tiền 6.737.000.000 đồng mà Công ty nộp vào tài khoản của ông CH với mục đích để ông CH thanh toán công nợ cho Công ty và mở sổ tiết kiệm lấy tiền lời bổ sung cho quỹ hoạt động Công đoàn của Công ty. Phía bà M cho rằng đây là khoản tiền cá nhân ông DC và Công ty CK trả nợ, trả tiền đầu tư, lợi tức cho ông CH.

Xét thấy, tại bản sao kê tài khoản của ông CH thể hiện trong cùng ngày 06/02/2017 ông CH chuyển trực tiếp từ tài khoản cá nhân để mở 12 sổ tiết kiệm, mỗi sổ 500.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000.000 đồng. Trong đó có 04 sổ kỳ hạn 01 tháng, 04 sổ kỳ hạn 03 tháng và 04 sổ kỳ hạn 06 tháng. Bản sao kê này còn thể hiện trước khi Công ty CK nộp số tiền 6.350.000.000 đồng vào ngày 23/01/2017, tài khoản của ông CH có số dư là 16.722.708 đồng; từ ngày 23/01/2017 đến ngày 06/02/2017 ngoài khoản tiền 6.350.000.000 đồng Công ty CK nộp vào, tài khoản của ông CH chỉ có hai khoản tiền chuyển vào nữa là 192.000 đồng vào ngày 27/01/2017 và 4.100.000 đồng vào ngày 05/02/2017. Như vậy có cơ sở xác định ngày 06/02/2017 ông CH đã sử dụng 6.000.000.000 đồng trong chính số tiền 6.350.000.000 đồng mà Công ty CK chuyển vào để mở 12 sổ tiết kiệm với giá trị 500.000.000 đồng/sổ.

Căn cứ 02 giấy Ủy nhiệm chi lập cùng ngày 14/02/2017 (BL67) thể hiện cùng ngày 14/02/2017 ông CH đã chuyển cho ông Vũ Anh PM 150.000.000 đồng và chuyển cho bà Phạm Thị QA 27.000.000 đồng với cùng nội dung “CTY 623 TAM UNG”. Đối chiếu với Bản sao kê tài khoản của ông CH thể hiện vào ngày 14/02/2017 có hai phát sinh nợ (tiền chuyển ra khỏi tài khoản) số tiền là 27.000.000 đồng và 150.000.000 đồng với diễn giải “CTY 623 TAM UNG” có cơ sở xác định vào ngày 14/02/2017 ông CH đã thay Công ty CK chuyển cho ông PM và bà Phượng tổng số tiền 177.000.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày là đúng.

Căn cứ Giấy rút tiền mặt số 0070 ngày 15/02/2017 (BL65) thể hiện ngày 15/02/2017 ông CH đã rút 30.000.000 đồng từ tài khoản, phù hợp với Bản sao kê tài khoản của ông CH thể hiện ngày 15/02/2017 phát sinh nợ số tiền 30.000.000 với diễn giải “RUT TM” (rút tiền mặt); Căn cứ Giấy nộp tiền mặt ngày 15/02/2017 (BL65) thể

hiện ông CH đã nộp 30.000.000 đồng vào tài khoản số 13510000094777 chủ tài khoản là Công ty CKCT mở tại Ngân hàng BIDV - chi nhánh Gia Định (sau đây gọi tắt là tài khoản của Công ty CK) với nội dung “nộp tiền vào tk cty” có cơ sở xác định vào ngày 15/02/2017 ông CH đã rút 30.000.000 đồng từ tài khoản của mình để nộp vào tài khoản của Công ty CK như phía nguyên đơn trình bày là đúng.

Căn cứ vào Giấy nộp tiền mặt số 0057 ngày 20/02/2017 (BL66) thể hiện ông CH đã nộp 101.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty CK với nội dung “nộp tiền”. Đối chiếu với Bản sao kê tài khoản của ông CH thể hiện ngày 20/02/2017 phát sinh nợ số tiền 101.000.000 với diễn giải “RT” (rút tiền), có cơ sở xác định vào ngày 20/02/2017 ông CH đã rút 101.000.000 đồng từ tài khoản của mình nộp vào tài khoản của Công ty CK như phía nguyên đơn trình bày là đúng.

Căn cứ Giấy nộp tiền mặt ngày 21/02/2017 (BL66) thể hiện vào ngày 21/02/2017 ông CH đã nộp 800.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty với nội dung “nộp tiền”. Phía nguyên đơn cho rằng 800.000.000 đồng này gồm có 300.000.000 đồng ông CH rút từ tài khoản và 500.000.000 đồng ông CH rút từ 01 sổ tiết kiệm trong số 12 sổ tiết kiệm mở ngày 06/02/2017. Đối chiếu với Bản sao kê tài khoản của ông CH thể hiện ngày 21/02/2017 phát sinh nợ số tiền 300.000.000 với diễn giải “RT” (rút tiền). Đồng thời, các đương sự đều thừa nhận khi ông CH chết chỉ còn là 11 sổ tiết kiệm đúng như nội dung tại Biên bản mở niêm PM phòng làm việc của ông CH ngày 02/3/2017. Do đó, có cơ sở xác định lời trình bày của nguyên đơn là đúng.

Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định tổng số tiền 6.737.000.000 đồng mà Công ty CK chuyển vào tài khoản của ông CH sau khi trừ phí giao dịch và thuế còn lại 6.736.872.332 đồng, ông CH đã sử dụng số tiền này để mở 12 sổ tiết kiệm mỗi sổ 500.000.000 đồng. Sau đó, ông CH đã rút 500.000.000 đồng từ 01 sổ tiết kiệm để nộp vào tài khoản của Công ty CK, còn lại 11 sổ với tổng giá trị là 5.500.000.000 đồng; ông CH thanh toán công nợ thay Công ty CK 177.000.000 đồng; ông CH rút tiền mặt để nộp vào tài khoản Công ty CK tổng cộng 931.000.000 đồng như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Bà M cho rằng khoản tiền 6.737.000.000 đồng mà bà NP, bà LH nộp vào tài khoản của ông CH là tiền cá nhân ông DC và Công ty CK trả nợ vay, tiền đầu tư, lợi tức cho ông CH. Tuy nhiên, việc ông CH dùng chính số tiền này để thanh toán công nợ cho Công ty CK và rút tiền mặt để nộp vào tài khoản của Công ty CK tổng cộng số tiền là 1.108.000.000 đồng, điều này bà M không thể lý giải được. Mặt

khác, lời trình bày của bà M không phù hợp với các tình tiết, sự kiện có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà M.

2.2.4. Các khoản tiền ông CH đã cho Công ty CK vay vào năm 2010, năm 2014 và năm 2015 theo lời trình bày của bà M.

Bà M cho rằng vào năm 2010 ông CH cho Công ty CK vay 1.000.000.000 đồng, năm 2014 cho vay 800.000.000 và năm 2015 cho vay 1.000.000.000 đồng

Xét thấy, đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng vào năm 2010, Công ty CK cho rằng Công ty không vay tiền của ông CH mà vay tiền của ông Dương Trọng NG (do ông CH giới thiệu), khoản tiền vay này Công ty đã thanh toán đầy đủ cho ông NG, giữa Công ty và ông NG không có tranh chấp gì. Đồng thời phía Công ty CK cung cấp các Công văn yêu cầu trả nợ của ông NG và các Phiếu chi ông NG đã ký nhận tiền. Phía bà M không cung cấp được hợp đồng vay hay chứng cứ khác chứng minh việc năm 2010 ông CH có cho Công ty CK vay tiền nhưng Công ty CK chưa trả tiền vay cho ông CH. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà M.

Đối với khoản vay 800.000.000 đồng vào năm 2014 phía Công ty CK cho rằng Công ty không vay tiền của ông CH mà chỉ mượn sổ tiết kiệm của ông CH để thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội bảo lãnh cho Công ty với thời hạn một năm, năm 2015, Công ty CK đã làm thủ tục giải tỏa bảo lãnh và đã trả lại sổ tiết kiệm cho ông CH. Căn cứ Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 110/2014/HĐCC-GTCG-BTB/SHB.130800 ngày 15/10/2014 (BL258) thể hiện tài sản cầm cố là sổ tiết kiệm mệnh giá 800.000.000 đồng của bên cầm cố là ông Nguyễn Văn CH; căn cứ biên bản giao nhận hồ sơ tài sản bảo đảm ngày 15/10/2014 (BL259) của ông Nguyễn Văn CH; căn cứ văn bản đề nghị giải tỏa bảo lãnh ngày 16/10/2015 của Công ty CK (BL245) có cơ sở chấp nhận lời trình bày của Công ty CK, phía bà M không cung cấp được chứng cứ về việc Công ty CK vay của ông CH 800.000.000 đồng vào năm 2014 nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà M.

Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng vào năm 2015 phía Công ty CK cho rằng không có khoản vay này, phía bà M không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh về khoản vay này do đó không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà M.

2.2.5. Các khoản tiền ông CH đã cho vay, đầu tư từ năm 2005 đến năm 2017 theo lời trình bày của bà M

Bà M cho rằng từ năm 2005 đến năm 2017 ông CH còn cho Công ty CK vay các khoản tiền khác, đầu tư vào Công ty CK, đầu tư vào công ty gia đình ông DC là Công ty TNSL, Công ty Cầu 72 và nhiều lần cho cá nhân ông DC, gia đình ông DC vay tiền. Để chứng minh cho điều này bà M cung cấp Bản sao kê tài khoản của ông CH từ năm 2005 đến năm 2017. Bà M cho rằng từ năm 2005 đến năm 2017 tổng số tiền mà nhân viên Công ty CK nộp vào tài khoản của ông CH là 16.780.794.332 đồng với nội dung nộp tiền, chuyển tiền, trả nợ vay, Công ty CK trả nợ vay vốn sản xuất; số tiền ông CH chuyển tiền thay Công ty CK, chuyển tiền thay cho Công ty TNSL mua thép tấm, thanh toán tiền sửa chữa thiết bị cho Công ty Cầu 72, bà M cho rằng đây là hai công ty của gia đình ông Hoàng Minh DC với tổng số tiền là 2.927.421.460 đồng.

Theo lời trình bày của bà M thì từ năm 2005 đến năm 2017 Công ty CK đã nộp vào tài khoản của ông CH 16.780.794.332 đồng, còn số tiền ông CH thanh toán thay Công ty CK là 2.927.421.460 đồng. Như vậy, Công ty CK đã chuyển cho ông CH vượt quá số tiền ông CH thanh toán thay Công ty CK là gần 14.000.000.000 đồng, điều này không chứng minh được việc ông CH có đầu tư vào Công ty CK, không chứng minh được ông CH có cho Công ty CK vay nhưng Công ty CK chưa trả tiền vay cho ông CH. Mặt khác, Công ty CK, Công ty TNSL, Công ty Cầu 72 và cá nhân ông Hoàng Minh DC là 04 chủ thể khác nhau, có tư cách pháp nhân, tư cách cá nhân độc lập. Trong vụ án này, Tòa án chỉ có thẩm quyền giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong trường hợp bà M cho rằng từ năm 2005 đến năm 2017 ông CH có cho cá nhân ông Hoàng Minh DC cũng như Công ty CK, Công ty TNSL và Công ty Cầu 72 vay tiền, và từ năm 2005-2017 Công ty CK chuyển khoản vào tài khoản của ông CH số tiền hơn 16 tỷ đồng là số tiền gì cần phải làm rõ như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và lời trình bày của luật sư thì bà M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

2.2.6. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty CK yêu cầu bà M và những đồng thừa kế của ông CH trả lại 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm.

Nguyên đơn trình bày ông CH làm Kế toán trưởng cho Công ty CK từ năm 2005 đến năm 2017 thì ông CH mất, Công ty rất tin tưởng ông CH, nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông CH và dùng tài khoản của ông CH để thực hiện các giao dịch của Công ty. Lời trình bày của nguyên đơn là phù hợp với các sao kê tài khoản

của ông CH từ năm 2005 đến năm 2017 thể hiện Công ty CK đã nộp vào tài khoản của ông CH số tiền hơn 16.000.000.000 đồng. Lúc ông CH còn sống từ năm 2005 đến năm 2017 giữa ông CH và Công ty CK không phát sinh bất kỳ tranh chấp gì, trong vụ án tranh chấp phát sinh sau khi ông CH chết. Tại Biên bản mở niêm phong phòng kế toán trưởng ngày 02/3/2017 (BL293 - 294) thể hiện 03 sổ tiết kiệm với tổng giá trị 1.500.000.000 đồng đứng tên cá nhân ông Hoàng Minh DC cũng do ông CH giữ. Điều này thể hiện ông DC – Giám đốc Công ty CK và ông CH – Kế toán trưởng Công ty CK rất tin tưởng nhau dẫn đến việc Công ty CK chuyển một số tiền rất lớn vào tài khoản của ông CH để mở sổ tiết kiệm nhưng không lập thỏa thuận rõ ràng như phía nguyên đơn trình bày là phù hợp.

Xét thấy, việc Công ty CK cho nhân viên nộp tiền vào tài khoản của cá nhân ông CH và dùng tài khoản cá nhân ông CH để thực hiện các giao dịch cho Công ty, cũng như để ông CH đứng tên cá nhân mở sổ tiết kiệm lấy tiền lời bổ sung quỹ hoạt động công đoàn của Công ty là không phù hợp với chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán của doanh nghiệp. Tuy nhiên điều này không làm mất đi quyền sở hữu của Công ty CK đối với khoản tiền mà Công ty CK đã nộp vào tài khoản của ông CH để ông CH mở sổ tiết kiệm. Pháp luật dân sự tôn trọng nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận cũng như thiện chí, trung thực giữa các bên trong giao dịch dân sự. Do đó, bà M cho rằng vào năm 2014 khi Công ty CK mượn sổ tiết kiệm 800.000.000 đồng của ông CH thì làm thủ tục rất chặt chẽ, nhưng việc chuyển một khoản tiền rất lớn vào tài khoản của ông CH lại không lập một thỏa thuận nào nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định ngày 21/02/2017 ông CH đột ngột qua đời, chưa kịp bàn giao lại 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm cho Công ty CK. Do đó, Công ty CK khởi kiện yêu cầu bà M và những đồng thừa kế của ông CH trả lại 5.500.000.000 đồng trong 11 sổ tiết kiệm đứng tên ông CH là có cơ sở chấp nhận.

2.2.7. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty CK yêu cầu bà M và những đồng thừa kế của ông CH trả lại 129.000.000 đồng trong tài khoản của ông CH

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty CK thừa nhận số tiền 6.737.000.000 đồng Công ty nộp vào tài khoản của ông CH là để ông CH mở 12 sổ tiết kiệm và thanh toán công nợ cho Công ty. Lời trình bày này phù hợp với nội dung tại

Giấy đề nghị nộp tiền ngày 23/01/2017 của bà Hoàng Thị NP (BL70); Giấy đề nghị nộp tiền ngày 14/02/2017 (BL69) và ngày 16/02/2017 (BL68) của bà Phan Kim LH.

Tại Bản sao kê tài khoản của ông CH thể hiện, trước khi Công ty CK nộp số tiền 6.350.000.000 đồng vào ngày 23/01/2017, tài khoản của ông CH có số dư là 16.722.708 đồng; sau khi ông CH rút 300.000.000 đồng vào ngày 21/02/2017 (để nộp vào tài khoản của Công ty CK như đã nhận định ở trên) thì tài khoản của ông CH có số dư là 30.497.094 đồng; đồng thời từ ngày 23/01/2017 đến ngày 21/02/2017 còn có những khoản tiền khác nộp vào tài khoản của ông CH; từ ngày 23/01/2017 đến ngày 21/02/2017, ngoài các khoản tiền ông CH chuyển khoản thay Công ty, rút tiền mặt để nộp vào tài khoản của Công ty như đã nhận định ở trên, ông CH còn nhiều lần rút tiền mặt khác, đặc biệt là ông đã rút 100.000.000 đồng vào ngày 24/01/2017. Phía Công ty CK không chứng minh được số tiền còn lại trong tài khoản của ông CH là của Công ty CK. Do đó Công ty CK khởi kiện đòi lại số tiền 129.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Trong trường hợp Công ty cho rằng từ ngày 24/01/2017 đến ngày 21/02/2017 ông CH rút tiền Công ty CK gửi vào nhưng không dùng để thanh toán công nợ khách hàng cho Công ty CK thì Công ty có quyền khởi kiện những đồng thừa kế của ông CH để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại trong phạm vi di sản của ông CH theo quy định của Bộ luật dân sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y, chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận L, sửa bản án sơ thẩm số 172/2018/DS-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố A.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà M, ông Y, cháu P, cháu U là những đồng thừa kế của ông CH phải cùng chịu án phí trên phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 5.500.000.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016: *“các đương sự phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba theo quyết định của Tòa án”*. Án phí dân sự sơ thẩm bà M, ông Y, cháu P, cháu U phải chịu là 113.500.000 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí trên phần yêu cầu phản tố của bà M được chấp nhận là 8.800.000 đồng và chịu án phí trên phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 129.000.000 đồng. Do đó, Công ty CK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.890.000 đồng.

3.1. Án phí phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà M, ông Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y. Sửa bản án sơ thẩm số 172/2018/DS-ST ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố A về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

1.1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty CKCT, buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn CH gồm: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y, em Nguyễn Hải U, Nguyễn Hải P do bà Nguyễn Thị M là đại diện hợp pháp phải trả cho Công ty CKCT số tiền 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng). Thi hành một lần Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu Công ty CKCT, buộc các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn CH gồm: Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y, em Nguyễn Hải U, Nguyễn Hải P do bà Nguyễn Thị M là đại diện hợp pháp phải trả cho Công ty CKCT số tiền 129.000.000 đồng (một trăm hai chín triệu đồng).

1.3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Công ty CKCT có trách nhiệm trả cho bà M, ông Y, cháu U, cháu P 8.800.000 (Tám triệu tám trăm nghìn đồng) tương đương với giá trị 88 cổ phiếu làm một lần Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 2202/2017/QĐ-BPKCTT ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân quận L để đảm bảo thi hành án.

Các đương sự thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

1.5. Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y, em Nguyễn Hải U, em Nguyễn Hải P (em U, em P) do bà Nguyễn Thị M là đại diện hợp pháp chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y, em Nguyễn Hải U, em Nguyễn Hải P (em U, em P) do bà Nguyễn Thị M là đại diện hợp pháp còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.6. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y, em Nguyễn Hải U, em Nguyễn Hải P (em U, em P) do bà Nguyễn Thị M là đại diện hợp pháp có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty CK chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng Công ty CK còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà M, ông Y, cháu U, cháu P (cháu U, cháu P do bà M đại diện theo pháp luật) phải chịu án phí là 113.500.000 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà M đã nộp theo Biên lai số 0027295 ngày 16/8/2017 của Chi cục Thi hành án quận L. Bà M, ông Y, cháu U, cháu P do bà M đại diện theo pháp luật phải nộp thêm 113.200.000đ (Một trăm mười ba triệu hai trăm ngàn đồng).

- Công ty cổ phần CKCT phải chịu án phí là 6.890.000 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 56.814.500 đồng (Năm mươi sáu triệu tám trăm mười bốn ngàn năm trăm) đồng công ty đã nộp theo Biên lai số 0018466 ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án quận L. Hoàn lại số tiền 49.924.500 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng) cho Công ty cổ phần CKCT.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm

Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Y không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà M 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0029241 ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố A. Hoàn trả lại cho ông Y 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0029294 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, Thành phố A.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Ngọc G Lưu Trường D

Vũ ĐỨC T7